

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Wộc lap - Tl ưo - Hanh phuc

* * *

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15.3.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Liệt**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh**¹ Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt
Nog¹ Tp. Cần Thơ.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Ngọc H** – sinh năm: 1996 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Lê Phước T** – sinh năm: 1991 (vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Khu vực D, phường E, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, chị H và anh Lê Phước T do được mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Nhứt ngày 10.4.2015. Vợ chồng chung sống đến khoảng 6.2015 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4.2016 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sử dụng ma túy, chị H đã khuyên ngăn nhiều

lần nhưng anh T không từ bỏ nên chị H quyết định ly thân. Trong thời gian ly thân, anh T không có liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung, thời gian ly thân cũng đã lâu cho nên chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định quá trình chung sống với anh T có 01 con chung tên là Lê Phước Tâm – sinh ngày 28.02.2014. Tên Lê Phước Tâm là do anh T đặt, sau đó do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T bỏ nhà đi mang theo đứa con nên chị H chưa làm khai sinh được cho cháu, hiện nay con chung do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu Tâm cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có.

Đối với bị đơn anh Lê Phước T, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa để giải quyết vụ án. Qua xác minh thực tế tại địa phương cho biết: vào khoảng năm 2015, gia đình anh T đã bán nhà và đi khỏi địa phương, khi đi không có đến trình báo với chính quyền địa phương và chị H biết là đi đâu, làm gì.

Do bị đơn anh T bỏ đi khỏi địa phương, nhiều lần vắng mặt không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Phước T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Phước Tâm cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với bị đơn anh Lê Phước T đã bỏ đi khỏi địa phương, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, anh T thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho chị H và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Xét việc anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét về quan hệ hôn nhân, giữa chị H và anh T tiến tới hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị H trình bày do chị phát hiện anh T sử dụng trái phép chất ma túy, chị đã khuyên ngăn nhưng anh T không từ bỏ được nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, chị H và anh T không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đến nay cũng đã lâu nhưng anh T không liên lạc gì với chị H, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

- Về con chung: Theo chị H xác định quá trình chung sống với anh T có 01 con chung tên là Lê Phước Tâm – sinh ngày 28.02.2014, do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu Tâm cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị H là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung tuy nhiên, do Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, tài sản chung, nợ chung cho nên nếu sau này anh T có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH**Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Phước T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Lê Phước Tâm – sinh ngày 28.02.2014, do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tiếp tục giao cháu Tâm cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị H, không ai được quyền ngăn cản. Anh T và chị H được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị Ngọc H phải nộp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003597 ngày 07.12.2017 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Trung Nhứt;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU